

Số: 03/TB-HĐTD

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 5 năm 2021

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của thí sinh tại vòng 1, nội dung tài liệu ôn tập, phí tuyển dụng và thời gian tổ chức xét vòng 2

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-SGDĐT ngày 01/4/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2021;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 29/4/2021 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2021.

Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo kết quả kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của thí sinh tại vòng 1, nội dung tài liệu ôn tập, phí tuyển dụng và thời gian tổ chức xét vòng 2, cụ thể như sau:

I. Kết quả kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của thí sinh đăng ký dự tuyển

- Tổng chỉ tiêu tuyển dụng là: 120 chỉ tiêu.
- Tổng số thí sinh đăng ký dự tuyển: 212 thí sinh.
- Tổng số thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự vòng 2: 173 (một trăm bảy mươi ba) thí sinh (có danh sách kèm theo)
- Tổng số thí sinh không đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự vòng 2: 39 (ba mươi chín) thí sinh (có danh sách kèm theo)

II. Nội dung thi vòng 2

1. Kiến thức chung

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2. Kiến thức chuyên ngành

2.1. Kế toán

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015: Điều 6, Điều 13, Điều 16, Điều 18, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 29, Điều 39, Điều 40, Điều 52.

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015: Điều 5, Điều 6, Điều 18, Điều 32, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 56, Điều 68, Điều 70.

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017: Điều 6, Điều 10, Điều 20, Điều 22, Điều 38.

2.2. Y tế

- Nhận biết (đánh giá) và xử trí ban đầu một số triệu chứng, bệnh lý thông thường xảy ra trong trường học.

- Sơ cứu, cấp cứu ban đầu một số tai nạn, thương tích thường gặp.

- Biểu hiện và biện pháp phòng, tránh một số bệnh truyền nhiễm, tình trạng ngộ độc thức ăn, tật cận thị, cong vẹo cột sống, bệnh sâu răng; biện pháp phòng, tránh tai nạn thương tích.

- Công dụng của một vài dung dịch sát khuẩn thông thường.

- Vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng và các nguồn thực phẩm có chứa các chất dinh dưỡng đó.

2.3. Thư viện

- Quy định tiêu chuẩn Thư viện trường phổ thông (QĐ 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/01/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn Thư viện trường phổ thông).

- Công tác bạn đọc

- Phân loại tài liệu: Khung phân loại thập phân Dewey (DDC)

- Sổ sách Thư viện.

2.4. Văn thư

- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;

- Một số tình huống xảy ra trong quá trình thực hiện công việc.

2.5. Giáo vụ

- Thông tư 07/2019/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương

nhân viên giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học phổ thông chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập.

- Một số tình huống nghiệp vụ và thực hành có liên quan.

2.6. Công nghệ thông tin

- Cài đặt phần mềm và các ứng dụng cho máy tính.
- Hỗ trợ khắc phục các lỗi, sự cố máy tính về cả phần cứng và phần mềm.

Bảo trì, bảo dưỡng máy tính.

- Hỗ trợ, tư vấn các thông tin có liên quan đến kỹ thuật máy tính, máy in.
- Cài và lắp đặt hệ thống mạng, wifi cho đơn vị. Đảm bảo hoạt động hệ thống máy tính của đơn vị.

2.7. Tiếng Anh

- Những điều kiện, tác phong... cần có của giáo viên dạy Anh văn
- Các phương pháp dạy học, kỹ năng dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.
- Những vấn đề về kiểm tra, đánh giá và xây dựng đề kiểm tra đánh giá.
- Xử lý các tình huống trong dạy học

2.8. Thể dục

- Phương pháp dạy học và kỹ năng thực hiện: chạy ngắn, nhảy cao, thể dục nhịp điệu, cầu đá, cầu lông, bóng chuyền.
- Áp dụng thực tế trong dạy học.

2.9. Khmer

- Các phương pháp dạy học, kỹ năng dạy học môn Khmer.
- Thiết kế một giờ dạy học theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học.
- Kiểm tra, đánh giá và xây dựng đề kiểm tra đánh giá.
- Xử lý các tình huống trong dạy học

2.10. Tiểu học

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Đổi mới phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh tiểu học.
- Thiết kế một giờ dạy học theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học
- Kiểm tra, đánh giá và xây dựng đề kiểm tra đánh giá học sinh tiểu học.
- Công tác chủ nhiệm của giáo viên tiểu học.
- Xử lý tình huống sư phạm.

* **Lưu ý:** Thí sinh tự tìm tài liệu ôn tập; ngoài kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành, Ban kiểm tra, sát hạch có thể phỏng vấn thêm các tình huống thuộc lĩnh vực chuyên ngành theo từng vị trí dự tuyển.

III. Lệ phí tuyển dụng

Từ ngày 10/5/2021 đến ngày 17/5/2021 thí sinh đến Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng (Phòng Kế hoạch - Tài chính), số 48 Lê Duẩn, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng để nộp lệ phí thi: **400.000 đồng/thí sinh**.

IV. Quy định đối với thí sinh dự thi

1. Phải có mặt tại phòng thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự.
2. Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có dán ảnh để giám thị đối chiếu trước khi vào phòng thi.
3. Chỉ được mang vào phòng thi thước kẻ, bút viết để làm bài và một số loại thuốc mà thí sinh dự thi có bệnh án phải mang theo; không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).
4. Chỉ sử dụng loại giấy do Hội đồng tuyển dụng viên chức phát cho thí sinh.
5. Tuân thủ mọi hướng dẫn của giám thị; giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích trong phòng thi.
6. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng thi.
7. Nếu cần hỏi điều gì, phải hỏi công khai giám thị phòng thi.
8. Nếu thí sinh có đau, ốm bất thường thì phải báo cho giám thị phòng thi và giám thị phòng thi phải báo ngay cho Trưởng ban kiểm tra, sát hạch xem xét, giải quyết.
9. Thí sinh dự thi có quyền tố giác người vi phạm nội quy, quy chế với giám thị phòng thi, Trưởng ban coi thi, thành viên Hội đồng thi, thành viên Ban giám sát.

V. Thời gian và địa điểm tổ chức thi tuyển vòng 2

- Thời gian:

+ Lúc 7 giờ 30 phút, ngày 18/5/2021 (thứ ba) cho các vị trí tuyển dụng: **Giáo viên Thể dục, tiếng Anh, Khmer ngữ, nhân viên Y tế.**

+ Lúc 7 giờ 30 phút, ngày 19/5/2021 (thứ tư) cho các vị trí tuyển dụng: **Giáo viên Tiểu học, nhân viên Công nghệ thông tin, nhân viên Giáo vụ, nhân viên Kế toán, nhân viên Văn thư, nhân viên Thư viện.**

- **Địa điểm:** Trường THPT Dân tộc Nội trú Huỳnh Cương, số 473 đường Lê Hồng Phong, Khóm 5, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

* **Lưu ý:** Thí sinh tham gia dự tuyển vòng 2 phải có mặt trước thời gian dự thi 15 phút, mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân và phải đảm bảo thực hiện an toàn về phòng chống COVID-19 (bắt buộc đeo khẩu trang y tế).

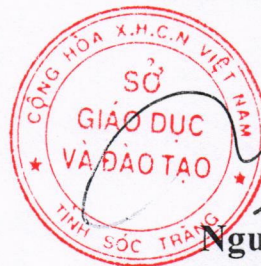
Thông báo này được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng tại địa chỉ <https://sogddt.soctrang.gov.vn> và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo, đề nghị thí sinh kiểm tra các thông tin có liên quan, nếu có vướng mắc thí sinh liên hệ Hội đồng tuyển dụng (thông qua Phòng Tổ chức cán bộ, điện thoại: 02993.616.039) để được hướng dẫn, giải đáp.

Hội đồng tuyển dụng yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng phối hợp niêm yết danh sách, thông báo kịp thời đến các thí sinh được biết và thực hiện. /.

Nơi nhận :

- Thành viên Hội đồng tuyển dụng;
- Thành viên Ban Giám sát;
- Thành viên Ban kiểm tra, sát hạch;
- Các thí sinh đăng ký tuyển dụng;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, TCCB.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Việt Mười
Phó Giám đốc Sở Giáo dục và
Đào tạo

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC 2021



DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN VÀO VÒNG 2

(Kèm theo Thông báo số 03/TB-HĐTD ngày 07/5/2021 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2021)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
												2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
01	Huỳnh Tuấn Bình	21/10/1996		Hoa	Trần Đề, Sóc Trăng	Thị trấn Lịch Hội Thượng, Trần Đề Sóc Trăng	V.07.05.15	Trường THPT Vĩnh Hải	Cử nhân Giáo dục thể chất	A2 TOEF L ITP	A		Dân tộc Hoa		Đạt
02	Giang Hoàng Công	18/11/1992		Khmer	Sóc Trăng	Phường 4, Sóc Trăng	V.07.05.15	Trường THPT Vĩnh Hải	Cử nhân Giáo dục thể chất	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
03	Thạch Dụ Cường	02/9/1993		Khmer	Châu Thành, Sóc Trăng	Ấp Xây Cáp, thị trấn Châu Thành, Châu Thành, Sóc Trăng	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐH Giáo dục thể chất	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
04	Tăng Minh Dũng	21/05/1995		Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Vĩnh Phước, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐH Giáo dục thể chất; có chứng chỉ NVSP	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
05	Trần Nguyễn Hồng Khánh	30/08/1988		Kinh	Ô Môn, Cần Thơ	Phường 2, Sóc Trăng	V.07.05.15	Trường THPT Vĩnh Hải	ĐH Giáo dục thể chất	B	A				Đạt
06	Võ Thành Long	26/7/1994		Kinh	Ngã Năm, Sóc Trăng	150 Hùng Vương, phường 1, thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐH Giáo dục thể chất	B	CB				Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
07	Thạch Nêm	10/01/1991		Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Áp Tham Chu, Vĩnh Tân, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên Thể dục (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐHSP Thể dục Thể thao	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
08	Lý Long Phinh Xom Rít	22/07/1993		Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Thanh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên Thể dục (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Vĩnh Hải	ĐHSP Thể dục Thể thao	B	B		Dân tộc Khmer		Đạt
09	Lâm Đa Ra Rith	18/12/1992		Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Áp Rạch Sên, xã Thanh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên Thể dục (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐH Giáo dục thể chất	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
10	Son Sôn	09/2/1989		Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Khóm Cà Lãng A Biên, phường 2, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên Thể dục (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Vĩnh Hải	ĐHSP Thể dục Thể thao	Bậc 2	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
11	Trần Phương Thảo	10/02/1993		Khmer	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Áp Đại Úi, Phú Mỹ, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Giáo viên Thể dục (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐHSP Giáo dục Thể chất	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
12	Nguyễn Viết Tính	20/02/1990		Kinh	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Áp Thiện Nhơn, xã Thuận Hưng, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Giáo viên Thể dục (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐHSP Thể dục Thể thao	A2	B				Đạt
13	Son Thanh Tuấn	01/01/1993		Khmer	Long Phú, Sóc Trăng	Tân Lịch, Tân Hưng, Long Phú, Sóc Trăng	Giáo viên Thể dục (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Vĩnh Hải	ĐH Giáo dục thể chất	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
14	Trần Đạt Thúy An		19/03/1993	Khmer	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Huỳnh Hữu Nghĩa, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	ĐHSP tiếng Anh	ĐH	A		Dân tộc Khmer		Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
15	Huỳnh Đỗ Đạt	20/8/1990		Kinh	Thanh Trị, Sóc Trăng	159, ấp 1, Hàng Vinh, Năm Căn, Cà Mau	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Vĩnh Hải	ĐH Ngôn ngữ Anh; có chứng chỉ NVSP bậc 1	ĐH	A				Đạt
16	Thái Quang Định	12/05/1996		Kinh	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Mỹ Hương, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V07.05.15	Trường THCS và THPT Long Hưng	ĐHSP tiếng Anh	ĐH	CB				Đạt
17	Đào Thùy Dương		29/06/1993	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Hòa Tú 1, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Hòa Tú	ĐHSP tiếng Anh	ĐH; A (Pháp)	A				Đạt
18	Trần Văn Dương	25/05/1993		Kinh	Cù Lao Dung, Sóc Trăng	An Thạnh Đông, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT An Thạnh 3	Cử nhân Ngôn ngữ Anh; có chứng chỉ NVSP	ĐH	B				Đạt
19	Dương Thị Ngọc Hân		01/01/1994	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Châu Khánh, Long Phú, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Đại Ngãi	ĐHSP tiếng Anh	ĐH; B (Pháp)	A				Đạt
20	Nguyễn Thị Ngọc Hân		18/8/1992	Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	561, ấp An Thới, thị trấn An Lạc Thôn, Kế Sách, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT An Lạc Thôn	ĐHSP Tiếng Anh	ĐH; B (Pháp)	A				Đạt
21	Phan Thị Kim Hằng		14/10/1994	Kinh	Sóc Trăng	Khu đô thị 5A Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Thành phố Sóc Trăng	ĐH Ngôn ngữ Anh; có chứng chỉ NVSP	ĐH	B				Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
22	Triệu Ngọc Hương		05/08/1990	Hoa	Sóc Trăng	Phường 2, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Khánh Hòa	ĐHSP tiếng Anh	ĐH	A		Dân tộc Hoa		Đạt
23	Trần Hoàng Huy	22/3/1995		Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	Ấp Xóm Đồng 1, xã Thới An Hội, Kế Sách, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT An Lạc Thôn	ĐHSP Tiếng Anh	ĐH	A				Đạt
24	Châu Hồng Linh		11/12/1992	Hoa	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Lai Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	Cử nhân tiếng Anh; có chứng chỉ NVSP	ĐH; B (Pháp)	A		Dân tộc Hoa		Đạt
25	Trần Ngọc Mai		16/09/1995	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Thị trấn Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V07.05.15	Trường PT DTNT THCS & THPT Thạnh Phú	ĐHSP tiếng Anh	ĐH	A				Đạt
26	Triệu Minh Mẫn	27/02/1991		Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Vĩnh Phước, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	Thạc sĩ tiếng Anh	Ths; B1 (Pháp)	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
27	Hồ Hồng My		19/04/1992	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	Cử nhân Anh văn; có chứng chỉ NVSP	ĐH; B (Pháp)	A				Đạt
28	Trần Hoàng Nam	10/02/1995		Khmer	Long Phú, Sóc Trăng	Tân Hưng, Long Phú, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Trần Đề	ĐHSP tiếng Anh	ĐH; A2 (Pháp)	B		Dân tộc Khmer		Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
29	Trần Kim Ngân		16/07/1989	Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	Bạch Đằng, Phường 4, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Thành phố Sóc Trăng	Cử nhân tiếng Anh; có chứng chỉ NVSP	ĐH	CĐ				Đạt
30	Tăng Thị Huyền Ngân		17/02/1994	Khmer	Châu Thành, Sóc Trăng	Phú Tâm, Châu Thành, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Thuận Hòa	ĐHSP tiếng Anh	ĐH	A		Dân tộc Khmer		Đạt
31	Nguyễn Kim Ngân		06/3/1988	Kinh	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Ấp Phước Thọ C, Mỹ Phước, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT TPST	Cử nhân Anh văn; CCSP bậc 2	ĐH	B				Đạt
32	Lâm Kỳ Nhân	02/03/1995		Hoa	Sóc Trăng	Phường 3, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Đại Ngãi	ĐHSP tiếng Anh	ĐH; B1 (Pháp)	CB		Dân tộc Hoa		Đạt
33	Lê Thị Nhi		02/06/1992	Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	Phong Năm, Kế Sách, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Nguyễn Khuyến	ĐHSP tiếng Anh	ĐH	A				Đạt
34	Thái Yến Nhi		02/12/1990	Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Ấp Tâm Kiên, Đại Tâm, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT TPST	ĐH Tiếng Anh; có chứng chỉ NVSP	ĐH	B		Dân tộc Khmer		Đạt
35	Đinh Thị Hồng Nhung		09/12/1993	Kinh	Kiên Giang	Tân An, Tân Hiệp, Kiên Giang	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Long Hưng	Thạc sĩ tiếng Anh	Ths	CB				Đạt
36	Nguyễn Hồ Hồng Nhung		02/07/1993	Kinh	Sóc Trăng	Xuân Hòa, Kế Sách, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT An Lạc Thôn	Cử nhân Anh văn; có chứng chỉ NVSP	ĐH	B				Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
37	Đoàn Tấn Phúc	05/06/1994		Kinh	Châu Thành, Sóc Trăng	An Ninh, Châu Thành, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V07.05.15	Trường THPT Thuận Hòa	ĐHSP tiếng Anh	ĐH; B (Pháp)	B				Đạt
38	Lê Thị Thu Sang		10/08/1991	Kinh	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Phường 2, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Khánh Hòa	ĐHSP tiếng Anh	ĐH; B (tiếng Trung)	B				Đạt
39	Thạch Thị Sương		17/08/1991	Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Thanh Quới, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Thạnh Tân	Đại học Ngôn ngữ Anh; có chứng chỉ NVSP	ĐH; B (Pháp)	B		Dân tộc Khmer		Đạt
40	Huỳnh Văn Thái	24/12/1994		Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Tâm, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Hòa Tú	ĐHSP tiếng Anh	ĐH; A2 (Pháp)	A		Dân tộc Khmer		Đạt
41	Phạm Đình Phương Thanh		07/11/1992	Kinh	Cù Lao Dung, Sóc Trăng	An Thạnh 1, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Đoàn Văn Tố	Thạc sĩ tiếng Anh; có chứng chỉ NVSP	Ths; B1 (Pháp)	A				Đạt
42	Nguyễn Ngọc Thanh Thanh		20/12/1995	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Thị trấn Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Thành phố Sóc Trăng	ĐHSP tiếng Anh	ĐH; B (Pháp)	B				Đạt
43	Nguyễn Thị Diễm Thư		22/9/1994	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Thị trấn Đại Ngãi, Long Phú, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Đại Ngãi	ĐHSP Tiếng Anh	ĐH; (A Pháp)	A				Đạt
44	Nguyễn Huỳnh Như Thủy		06/11/1983	Kinh	Chợ Gạo, Tiền Giang	Phường 7, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Khánh Hòa	Đại học Ngôn ngữ Anh; có chứng chỉ NVSP	ĐH; A2 (Pháp)	B				Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
45	Tăng Oanh Đi	09/10/1990		Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Lai Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
46	Kim Diên	01/01/1987		Khmer	Trần Đề, Sóc Trăng	Viên An, Trần Đề, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	B		Dân tộc Khmer		Đạt
47	Trần Minh Đức	11/05/1995		Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Lai Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	Đại học Ngôn ngữ Khmer; có chứng chỉ NVSP	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
48	Trần Thị Hiền		10/11/1988	Khmer	Châu Thành, Sóc Trăng	65, Phước Hòa, Phú Tân, Châu Thành, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	B		Dân tộc Khmer		Đạt
49	Lý Ngọc Hưng		12/04/1996	Khmer	Thanh Trị, Sóc Trăng	Tuần Túc, Thanh Trị, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
50	Mai Xuân Lộc	15/4/1990		Khmer	Long Phú, Sóc Trăng	1161/13/31, Quốc lộ I, phường 10, TPST, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	Cao đẳng nghề Tin học		Dân tộc Khmer		Đạt
51	Cao Thị Tuyết Mai		24/02/1996	Khmer	Thanh Trị, Sóc Trăng	Ấp Phú Tân, Ninh Quới, Hồng Dân, Bạc Liêu	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
52	Tăng Si Men	15/4/1977		Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Khóm Wat pích, phường Vĩnh Phước, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
53	Lâm Mà Ni	10/04/1996		Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Vĩnh Tân, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
54	Thạch Chanh Đa Rinh	04/05/1989		Khmer	Trần Đề, Sóc Trăng	Thị trấn Trần Đề, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	Đại học Ngôn ngữ Khmer; có chứng chỉ NVSP	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
55	Lâm Thị Sà Rường		03/10/1992	Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Áp Tân Lịch, Tân Hưng, Long Phú, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
56	Thạch Thị Quách Tha		20/04/1992	Khmer	Châu Thành, Trà Vinh	Lai Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
57	Dương Thị Thanh		16/5/1990	Khmer	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Áp Trà Do, Lâm Kiết, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
58	Lý Thol	10/06/1988		Khmer	Long Phú, Sóc Trăng	Phường 5, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B1	B		Dân tộc Khmer		Đạt
59	Huỳnh Ngọc Tiến	16/4/1994		Khmer	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Thuận Hưng, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
60	Sơn Quý Tiền	22/01/1995		Khmer	Trần Đề, Sóc Trăng	Áp Hội Trung, thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
61	Lâm Thị Thuyền Trang		21/6/1997	Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	63 ấp Đại Thành, Đại Tâm, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
62	Danh Hữu Trí	23/01/1993		Khmer	Long Phú, Sóc Trăng	Ấp Tân Lịch, Tân Hưng, Long Phú, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
63	Trà Chinh Ra Vy		01/04/1992	Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Vĩnh Phước, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
64	Trần Thị Kiều Xuân		19/10/1998	Khmer	Châu Thành, Kiên Giang	Ấp An Khương, xã Minh Hòa, Châu Thành, Kiên Giang	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐHSP Ngữ văn Khmer	A, Bậc 3	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
65	Huỳnh Phi Khanh	26/01/1982		Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Vĩnh Xuyên, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên tiểu học (hạng III)	V.07.05.29	Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B1	CB				Đạt
66	Tổng Tạ Kiều My		26/01/1994	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Thị trấn Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên tiểu học (hạng III)	V.07.03.29	Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật	ĐH Giáo dục Tiểu học	B	A				Đạt
67	Phạm Duy	10/11/1985		Kinh	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Ấp 3, thị trấn Phú Lộc, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Trường THPT Trần Văn Bảy	ĐH Công nghệ Thông tin	B	ĐH				Đạt
68	Trương Thanh Nhân	12/08/1993		Kinh	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Xã Thạnh Trị, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Trường THPT Trần Văn Bảy	Cao đẳng Công nghệ thông tin	B1	CD				Đạt
69	Huỳnh Như		06/03/1989	Kinh	Giá Rai, Bạc Liêu	Thị trấn Phú Lộc, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Trường THPT Trần Văn Bảy	ĐH Công nghệ Thông tin	B	ĐH				Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
70	Phan Lâm Sung	07/04/1993		Kinh	Vĩnh Thuận, Kiên Giang	Vĩnh Thuận, Vĩnh Thuận, Kiên Giang	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	ĐH Công nghệ Thông tin	B	ĐH				Đạt
71	Trịnh Minh Thế	10/7/1991		Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Ấp Giồng Có, Tham Đôn, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	CĐSP Tin-Lý	A	CĐ		Dân tộc Khmer		Đạt
72	Lê Thị Bé Yến		01/09/1990	Kinh	Trần Đề, Sóc Trăng	Viên Bình, Trần Đề, Sóc Trăng	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Kỹ sư Tin học	B	ĐH				Đạt
73	Son Chăm	03/4/1994		Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Khóm Biển Dưới, phường Vĩnh Phước, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	Cao đẳng tin học; có chứng chỉ NVSP	A	CĐ		Dân tộc Khmer; Hoàn thành nghĩa vụ quân sự		Đạt
74	Lý Thị Kim Chương		03/10/1995	Khmer	Trần Đề, Sóc Trăng	Tài Văn, Trần Đề, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	Cao Đẳng Tin học	A	CĐ		Dân tộc Khmer		Đạt
75	Dương Thị Ngọc Dung		05/7/1992	Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	1225/7 Quốc lộ I phường 10, TPST, tỉnh Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú	ĐHSP Ngữ văn	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
76	Ngô Thị Thúy Duy		30/10/1995	Kinh	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Thạnh Tân, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường PT DTNT THCS & THPT Thạnh Phú	Cử nhân Ngữ văn	B	A		Con thương binh		Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
77	Mai Thanh Hiền	16/8/1983		Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Ấp Khu 2, Thạnh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú	ĐHSP Toán	B	B		Dân tộc Khmer		Đạt
78	Thạch Thị Hoàng		28/05/1990	Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Phường 10, Thành phố Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường PT DTNT THCS & THPT Thạnh Phú	ĐHSP Sinh học	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
79	Huỳnh Vũ Lâm	05/8/1988		Kinh	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Ấp Tam Sóc C1, Mỹ Thuận, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú	Kỹ sư công nghệ thông tin, có chứng chỉ NVSP	B	ĐH				Đạt
80	Huỳnh Thị Trúc Ly		03/05/1997	Khmer	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Phú Mỹ, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường PT DTNT THCS & THPT Thạnh Phú	ĐHSP Sinh học	A	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
81	Trương Thị Chánh Như		19/9/1997	Kinh	Vĩnh Long	555, Lê Duẩn, phường 4, TPST, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	ĐHSP Toán	C	CB				Đạt
82	Thạch Thị Si Nia		13/6/1993	Khmer	TPST, Sóc Trăng	792/10 Tôn Đức Thắng, phường 5, TPST, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú	ĐHSP Địa lý	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
83	Triệu Thị Diệu Phương		20/01/1993	Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Ấp Ngọn, Thạnh Quới, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú	ĐHSP Sinh	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
84	Lư Trọng Thảo	16/06/1988		Khmer	Thanh Trị, Sóc Trăng	Châu Hưng, Thanh Trị, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường PT DTNT THCS & THPT Thanh Phú	CDSP Tin - Lý	B	B		Dân tộc Khmer		Đạt
85	Phạm Thị Mỹ Tiên		02/5/1991	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Đại Hải, Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	ĐHSP Lý - Tin	B	B				Đạt
86	Yên Thị Mỹ Trinh		10/08/1991	Khmer	Thanh Trị, Sóc Trăng	Châu Hưng, Thanh Trị, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường PT DTNT THCS & THPT Thanh Phú	ĐHSP Ngữ văn	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
87	Nguyễn Trí Trọng	20/02/1986		Kinh	Gò Quao, Kiên Giang	Hưng Bắc, Gò Quao, Kiên Giang	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường PT DTNT THCS & THPT Thanh Phú	ĐHSP Toán	B	A				Đạt
88	Võ Thị Kiều Chi		18/4/1986	Kinh	Trà Cú, Trà Vinh	Trà Quýt, Châu Thành, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Thuận Hòa	ĐH Quản trị Kế toán	B	A				Đạt
89	Trần Thị Chính		26/07/1990	Kinh	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Đại Hải, Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Phan Văn Hùng	Đại học Kế toán	B	B				Đạt
90	Trần Ngọc Bích Di		15/9/1995	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Vĩnh Xuyên, thị trấn Mỹ Xuyên, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trung tâm GDTX tỉnh Sóc Trăng	CD Kế toán	B	B				Đạt
91	Dương Thị Tuyết Hằng		07/02/1985	Kinh	Thanh Trị, Sóc Trăng	Thị Trấn Phú Lộc, Thanh Trị, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Thanh Tân	Đại học Kế toán	B	B				Đạt
92	Nguyễn Ngọc Huyền		16/09/1993	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Trường Khánh, Long Phú, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trung tâm GDTX tỉnh Sóc Trăng	Cao Đẳng Kế toán	B	B				Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
93	Võ Thị Bích Huyền		26/6/1993	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	843/2/30 Phạm Hùng, phường 8, TPST, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THCS và THPT Tân Thạnh	Cao đẳng kế toán	A	A				Đạt
94	Nguyễn Thị Tú Kiều		21/10/1984	Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	Thị trấn Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Thiều Văn Chỏi	Đại học Kế toán	B	A				Đạt
95	Quách Thị Lèn		16/9/1987	Hoa	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Khóm Cà Lãng B, phường 2, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	Đại học Kế toán	B	A		Dân tộc Hoa		Đạt
96	Lê Hoàng Liêm	11/9/1988		Kinh	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	276 Nguyễn Huệ, phường 1, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	Đại học Kế toán	B	B				Đạt
97	Lê Hồng Loan		1989	Kinh	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Lai Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	Đại học Kế toán	B	NC				Đạt
98	Hứa Thị Nghi		09/08/1988	Hoa	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Phường 2, Tp Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trung tâm GDTX tỉnh Sóc Trăng	Cử nhân Kế toán	B	A		Dân tộc Hoa		Đạt
99	Thái Phan Thảo Nguyên		29/04/1994	Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	Thị trấn Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Thiều Văn Chỏi	Đại học Kế toán	B1	A				Đạt
100	Trần Bích Nguyên		25/02/1987	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Lợi Đức, Long Phú, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT An Lạc Thôn	Đại học Kế toán	B	B				Đạt
101	Đỗ Tuyết Nhi		25/11/1993	Kinh	Sóc Trăng	389 Nguyễn Văn Linh, phường 2, TPST, tỉnh Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT DTNT Huỳnh Cương	Đại học Kế toán	B	B				Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
102	Trần Thị Như		22/3/1989	Kinh	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Ấp Long Thành, xã Tân Long, Ngã Năm, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Thạnh Tân	Đại học Kế toán	A	A				Đạt
103	Nguyễn Thị Thu Niêm		03/09/1987	Kinh	Cù Lao Dung, Sóc Trăng	An Thạnh 3, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT An Thạnh 3	Cử nhân Kế toán	B1	B				Đạt
104	Liêu Trần Thanh Tâm		23/5/1988	Khmer	Châu Thành, Sóc Trăng	Ấp Phú Bình, Phú Tâm, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT DTNT Huỳnh Cương	Đại học Kế toán	B1	B		Dân tộc Khmer		Đạt
105	Quách Phúc Thắng	24/9/1991		Kinh	Mỹ Tú, Sóc Trăng	25, ấp Trà Lây 2, Thuận Hưng, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT TPST	CĐ Kế toán	B	CB				Đạt
106	Phạm Thị Thảo		09/09/1993	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Hòa Tú	Cao Đẳng Kế toán	A	B				Đạt
107	Lê Duy Thiên	16/01/1993		Kinh	Thanh Hóa	Thị trấn Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT An Lạc Thôn	Cử nhân Kế toán	B	B				Đạt
108	Nguyễn Đức Thọ	28/07/1989		Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Thị trấn Long Phú, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Phú Tâm	Đại học Kế toán	B	B				Đạt
109	Nguyễn Hồng Thương		17/4/1987	Kinh	Phước Long, Bạc Liêu	Ấp Long Đức, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, Bạc Liêu	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Ngã Năm	ĐH Kế toán doanh nghiệp	B	NC				Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
110	Lê Văn Tí	01/02/1988		Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	Ấp Phong Phú, xã Phong Năm, Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Thiều Văn Chỏi	Đại học Kế toán	B	B				Đạt
111	Phạm Thị Hồng Tươi		01/03/1991	Kinh	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Hưng Lợi, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Thạnh Tân	Đại học Kế toán	B	B				Đạt
112	Nguyễn Thanh Tuyền		23/6/1989	Kinh	Trà Ôn, Vĩnh Long	Ấp Sóc Dong, Tân Hưng, Long Phú, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THCS và THPT Tân Thạnh	Đại học Kế toán	B	A				Đạt
113	Lâm Ngọc Tuyết		23/11/1989	Khmer	Châu Thành, Sóc Trăng	Thọ Hòa Đông B, Phú Tâm, Châu Thành, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Phú Tâm	CĐ Kế toán	A	B		Dân tộc Khmer		Đạt
114	Lê Thị Chân Chân		24/4/1982	Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	Ấp An Ninh 2, thị trấn An Lạc Thôn, Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT An Lạc Thôn	Trung cấp văn thư lưu trữ (GCN Tốt nghiệp)	B	CB				Đạt
115	Lê Thị Diễm		31/12/1985	Kinh	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Ấp Tân Hòa B, Long Hưng, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THCS và THPT Mỹ Thuận	Trung cấp Thư ký văn phòng	B	A				Đạt
116	Huỳnh Điệp	1987		Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Lai Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THCS và THPT Lai Hòa	Trung cấp Văn thư - Lưu trữ	B	B		Dân tộc Khmer		Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
117	Trần Thị Thanh Diệu		24/10/1985	Kinh	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Mỹ Hương, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT Mỹ Hương	Trung cấp Thư ký Văn phòng	B	A				Đạt
118	Đinh Minh Đương	25/5/1994		Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Áp Hòa Phướng, Hòa Tú 1, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT Mỹ Xuyên	ĐH Văn thư lưu trữ	B	CB				Đạt
119	Mai Ngọc Huyền		15/11/1994	Kinh	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Khóm Khánh Nam, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	Trung cấp hành chính văn thư	A	A				Đạt
120	Tạ Thị Yến Nhi		29/3/1992	Kinh	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Áp 3, Phú Lộc, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THCS và THPT Hưng Lợi	Trung cấp văn thư hành chính	B	A				Đạt
121	Mai Thị Cẩm Nhung		12/07/1972	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Thị trấn Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT Mỹ Xuyên	Trung cấp Văn thư	B	A				Đạt
122	Nguyễn Thị Băng Tâm		30/11/1990	Kinh	Trần Đề, Sóc Trăng	Long Đức, Long Phú, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THCS và THPT Trần Đề	Trung cấp Thư ký Văn phòng	A	B				Đạt
123	Võ Thị Tâm		11/4/1968	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Áp Ngãi Hòa, Đại Ngãi, Long Phú, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT Đại Ngãi	Trung cấp Thư ký văn phòng	B	A				Đạt
124	Bùi Thị Tân		17/3/1987	Kinh	Quảng Ngãi	140B, đường Kênh 30-4, phường 6, TPST, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trung tâm GDTX tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp văn thư lưu trữ	B	B				Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
125	Quách Ngọc Bích Thuận		02/02/1982	Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Ấp Hòa Muôn, Ngọc Tỏ, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT Ngọc Tỏ	Trung cấp Thư ký văn phòng	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
126	Trần Thị Thúy		17/4/1987	Kinh	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Khóm Khánh Nam, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Trung cấp hành chính văn thư	B	A				Đạt
127	Tiêu Kien Toàn	15/09/1989		Kinh	Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Thị trấn Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THCS và THPT Tân Thạnh	Trung cấp Văn thư - Lưu trữ	B	A				Đạt
128	Lý Ngọc Trâm		09/11/1980	Kinh	Châu Thành, Sóc Trăng	Ấp Châu Thành, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT An Ninh	Trung cấp Thư ký văn phòng	B	A				Đạt
129	Trần Út Tỷ		01/01/1992	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Ấp Hòa Phú, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THCS và THPT Mỹ Thuận	Trung cấp Thư ký văn phòng	B	CB		Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Đạt
130	Lâm Thị Ngọc Bích		18/03/1984	Khmer	Trần Đề, Sóc Trăng	Tài Văn, Trần Đề, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THPT DTNT Huỳnh Cương	Trung cấp Y sĩ	B	B		Dân tộc Khmer		Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
131	Lâm Thanh Bình	13/09/1984		Khmer	Mỹ Tú, Sóc Trăng	An Thạnh Đông, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THPT Đoàn Văn Tố	Trung cấp Y sĩ	B	B		Dân tộc Khmer		Đạt
132	Hồng Quốc Chiến	10/5/1996		Hoa	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Khóm Khánh Nam, Khánh Hòa, TX Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Trung cấp y sĩ	B	A		Dân tộc Hoa		Đạt
133	Son Diệu	19/03/1993		Khmer	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Thuận Hưng, Mỹ Tú Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THPT DTNT Huỳnh Cương	Trung cấp Y sĩ	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
134	Lê Thị Mỹ Hằng		02/9/1991	Kinh	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Tú, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	Trung cấp y sĩ	A	B				Đạt
135	Trần Thanh Hậu	1986		Kinh	Cù Lao Dung, Sóc Trăng	An Thạnh 3, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THPT An Thạnh 3	Trung cấp Y sĩ	B1	A				Đạt
136	Lê Công Hiện	25/11/1988		Kinh	Thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	Xã Mỹ Bình, Ngã Năm, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THPT Mai Thanh Thế	Trung cấp Y sĩ	B	A				Đạt
137	Thái Thị Xuân Hương		10/02/1969	Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	Thị trấn Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THPT Kế Sách	Trung cấp Y sĩ	B	A				Đạt
138	Lâm Quốc Khải	27/3/1991		Hoa	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Ấp Bung Cóc, Phú Mỹ, Mỹ Tú Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT Mỹ Hương	Trung cấp y sĩ	B	A		Dân tộc Hoa		Đạt
139	Dương Quốc Khởi	15/02/1995		Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Ấp Tân Hội, Tân Thạnh, Long Phú, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THCS và THPT Tân Thạnh	Trung cấp y sĩ	B	B				Đạt
140	Trần Khánh Linh	24/11/1997		Kinh	Ngã Năm, Sóc Trăng	Phường 2, Ngã Năm, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THPT Ngã Năm	Trung cấp Y sĩ	B	A				Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
141	Nguyễn Thị Yến Loan		28/6/1985	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Áp Phổ, Hậu Thạnh, Long Phú, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THCS và THPT Dương Kỳ Hiệp	Trung cấp y sĩ	C	A				Đạt
142	Lâm Thị Lợi		29/5/1992	Khmer	Long Phú, Sóc Trăng	Áp Nước mặn 2, Long Phú, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT DTNT Huỳnh Cương	Trung cấp y sĩ	B	B		Dân tộc Khmer		Đạt
143	Nguyễn Thị Lớn		10/04/1985	Kinh	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Mỹ Tú, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	Trung cấp Y sĩ	B	B				Đạt
144	Võ Văn Ly	21/12/1987		Kinh	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Mỹ Tú, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THPT Phú Tâm	Trung cấp Y sĩ	B	A				Đạt
145	Huỳnh Lâm Ngọc Mai		11/8/1992	Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	170 Ấp Hòa Khanh, Thạnh Quới, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú	Trung cấp y sĩ	B	B		Dân tộc Khmer		Đạt
146	Hàn Thị Tổ Mai		25/10/1994	Kinh	Trần Đề, Sóc Trăng	Áp Phổ Dưới B, thị trấn Lịch Hội Thượng, Trần Đề, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT Lịch Hội Thượng	Trung cấp y sĩ	B	CB				Đạt
147	Son Hoàng Minh Mẫn	16/5/1993		Khmer	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Áp Tà Ân B, Thuận Hưng, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT Mỹ Hương	Trung cấp y sĩ	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
148	Kim Thị Si Mól		04/5/1994	Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	96 khóm Biển Trên A, Vĩnh Phước, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	Trung cấp y sĩ	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
149	Tào Bích Ngân		02/03/1993	Kinh	Trần Đề, Sóc Trăng	Thị trấn Lịch Hội Thượng, Trần Đề, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THCS và THPT Trần Đề	Trung cấp Y sĩ	B	CB				Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
150	Hứa Thị Kim Ngọc		09/9/1994	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Phú Thuận, Thạnh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú	Trung cấp y sĩ	B	B				Đạt
151	Lâm Thị Tuyết Nhung		27/12/1990	Khmer	Long Phú, Sóc Trăng	Ấp Tân Qui A, xã Tân Hưng, Long Phú, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THCS và THPT Tân Thạnh	Trung cấp y sĩ	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
152	Huỳnh Thị Kiều Oanh		06/5/1989	Kinh	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Ấp Mỹ Lợi A, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT Thuận Hòa	Trung cấp y sĩ	B	A				Đạt
153	Ông Văn Phúc	06/06/1995		Kinh	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Xã Thạnh Trị, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THCS và THPT Hưng Lợi	Trung cấp Y sĩ	B	A				Đạt
154	Trần Hoài Phúc	28/12/1986		Khmer	Kế Sách, Sóc Trăng	Ấp Ba Lãng, xã Kế Thành, Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT An Lạc Thôn	Trung cấp y sĩ	B	B		Dân tộc Khmer		Đạt
155	Lê Minh Phương		16/3/1989	Kinh	Cà Mau	Ấp An Thành, Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT Kế Sách	Trung cấp y sĩ	B	B				Đạt
156	Liêu Thị Ri		12/01/1985	Khmer	Trần Đề, Sóc Trăng	Viên An, Trần Đề, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THPT Mỹ Xuyên	Trung cấp Y sĩ	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
157	Nguyễn Thị Minh Thư		09/11/1989	Kinh	Trần Đề, Sóc Trăng	Ấp Hòa Muôn, Ngọc Tổ, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT Ngọc Tổ	Trung cấp y sĩ	C	A				Đạt
158	Dương Thị Phi Thường		04/7/1994	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	167, Dương Kiểng, Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT Lương Định Của	Trung cấp y sĩ	B	CB				Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
159	Trịnh Trung Tín	20/04/1990		Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Tâm, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THPT Văn Ngọc Chính	Trung cấp Y sĩ	B	A				Đạt
160	Vương Bửu Trân		26/12/1980	Hoa	Châu Thành, Sóc Trăng	Áp Trà Canh A2, Thuận Hòa, Châu Thành, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT Thuận Hòa	Trung cấp y sĩ	B	CB		Dân tộc Hoa		Đạt
161	Hứa Thanh Vân		21/10/1988	Hoa	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	288, Lý Thường Kiệt, phường 4, TPST, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Trung cấp y sĩ	B	B		Dân tộc Hoa		Đạt
162	Võ Phong Vũ	16/06/1992		Kinh	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Vĩnh Thành, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THCS và THPT Hưng Lợi	Trung cấp Y sĩ	B	B				Đạt
163	Danh Thị Ngọc Xuân		18/01/1989	Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Tham Đôn, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật	Trung cấp Y sĩ	B	A		Dân tộc Khmer		Đạt
164	Tăng Quế Châu		27/10/1982	Hoa	TPST, Sóc Trăng	134 Lê Hồng Phong, phường 3, TPST, Sóc Trăng	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trường THPT Thuận Hòa	Trung cấp Thư viện	B	B		Dân tộc Hoa		Đạt
165	Bùi Thị Lệ Hằng		15/10/1980	Kinh	Châu Thành, Sóc Trăng	Áp Đắc Thắng, Thiện Mỹ, Châu Thành, Sóc Trăng	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trường THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	Trung cấp Thư viện	B	A				Đạt
166	Lê Trúc Linh		01/01/1979	Kinh	Ngã Năm, Sóc Trăng	Khóm Vĩnh Mỹ, phường 3, Ngã Năm, Sóc Trăng	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trường THPT Mai Thanh Thế	Trung cấp Thư viện	B	B				Đạt
167	Thạch Phương Linh		09/07/1986	Khmer	Bạc Liêu	Phường 5, Sóc Trăng	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật	Đại học Thông tin thư viện	B	B		Dân tộc Khmer		Đạt

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm	
168	Nguyễn Thị Mai		01/01/1981	Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	Thị trấn Kế Sách, Sóc Trăng	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trường THPT Kế Sách	Trung cấp Thư viện	B	A				Đạt
169	Lê Thị Hoàng Oanh		01/01/1982	Kinh	Trần Đề, Sóc Trăng	Ấp Nam Chánh, xã Lịch Hội Thượng, Trần Đề, Sóc Trăng	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trường THPT Lịch Hội Thượng	Trung cấp thư viện	B	A				Đạt
170	Thạch Thị Ngọc Phú		02/10/1989	Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	843/14 Phạm Hùng, phường 8, TPST, Sóc Trăng	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trường THCS và THPT Tân Thạnh	ĐH Thông tin Thư viện	B	CB		Dân tộc Khmer		Đạt
171	Phạm Lê Uyên Phương		28/11/1996	Kinh	Trần Đề, Sóc Trăng	Ấp Trà Đức, Viên An, Trần Đề, Sóc Trăng	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trường THPT Lịch Hội Thượng	Trung cấp thư viện	B	B				Đạt
172	Lê Thị Hồng Thắm		28/02/1978	Kinh	Châu Thành, Sóc Trăng	An Ninh, Châu Thành, Sóc Trăng	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trường THPT An Ninh	Trung cấp Thư viện	B	A				Đạt
173	Nguyễn Thị Thanh Trâm		09/02/1992	Kinh	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Khánh Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trường THCS và THPT Khánh Hòa	Đại học Thư viện	B	B				Đạt

Danh sách này có 173 (một trăm bảy mươi ba) thí sinh./.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC 2021



DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN VÀO VÒNG 2

(Kèm theo Thông báo số 03/TB-HĐTD ngày 07/5/2021 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2021)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1	Lý do không đủ điều kiện vào vòng 2
												2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm		
01	Thạch Thanh Điền	28/5/1988	Khmer	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Áp Tá Biên, xã Phú Mỹ, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Giáo viên Thẻ dự (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐH Giáo dục Thể chất		Chứng chỉ nghề		Dân tộc Khmer		Không đạt	Thiếu chứng chỉ ngoại ngữ, tin học
02	Lâm Hoàng Diệu	04/2/1989	Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Vĩnh Tân, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên Thẻ dự (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	CĐSP GDTC-Công tác đội	B1	A		Dân tộc Khmer		Không đạt	Bằng chuyên môn không đạt chuẩn
03	Quách Trung Hiếu	20/11/1996	Khmer	Kế Sách, Sóc Trăng	Thị trấn Kế Sách, Sóc Trăng	Giáo viên Thẻ dự (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐHSP Thể dục Thể thao	B1	CB		Dân tộc Khmer		Không đạt	Chứng chỉ ngoại ngữ không nằm trong danh mục các trường được Bộ GD & ĐT cho phép.
04	Lê Chi Hiếu	23/05/1989	Kinh	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Phường 2, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên Thẻ dự (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Vĩnh Hải	ĐHSP Giáo dục Thể chất		A				Không đạt	Thiếu Chứng chỉ Ngoại ngữ
05	Võ Thành Phát	06/8/1994	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	139, Phú Lợi, phường 2, TPST, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Thẻ dự (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	ĐH Giáo dục Thể chất	A	A				Không đạt	Chứng chỉ ngoại ngữ chưa đạt
06	Lý Lâm Wuth Thi	23/11/1993	Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Áp Rạch Sên, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên Thẻ dự (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Vĩnh Hải	ĐH Giáo dục Thể chất	B			Dân tộc Khmer		Không đạt	Thiếu chứng chỉ Tin học
07	Lê Quách Diệu Minh	02/05/1993	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Thị trấn Long Phú, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Đại Ngãi	ĐHSP tiếng Anh	B (Pháp)					Không đạt	Thiếu chứng chỉ Tin học

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1	Lý do không đủ điều kiện vào vòng 2
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm		
08	Phan Thảo Nhi		26/03/1996	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Anh (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Đoàn Văn Tố	ĐH Ngôn ngữ Anh						Không đạt	Thiếu chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm
09	Hứa Quân Chênh	12/10/1992		Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	ĐH Ngôn ngữ Khmer; có chứng chỉ NVSP		CB		Dân tộc Khmer		Không đạt	Thiếu chứng chỉ Ngoại ngữ
10	Son Thị Phước		05/5/1998	Khmer	Hậu Giang	Ấp 5, xã Vĩnh Trung, Vĩ Thủy, Hậu Giang	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THPT Văn Ngọc Chính	ĐHSP Ngữ văn Khmer		CB		Dân tộc Khmer		Không đạt	Thiếu chứng chỉ Ngoại ngữ
11	Châu Thị Na Rinh		18/02/1989	Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Lạc Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Giáo viên tiếng Khmer (THPT hạng III)	V.07.05.15	Trường THCS và THPT Lai Hòa	Đại học Văn hóa các Dân tộc thiểu số Việt Nam	B	A		Dân tộc Khmer		Không đạt	Bảng chuyên môn không phù hợp với vị trí tuyển dụng
12	Danh Thị Mỹ Non		03/11/1996	Khmer	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Ấp Đại Úi, Phú Mỹ, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú	ĐHSP Ngữ văn Khmer	B			Dân tộc Khmer		Không đạt	Thiếu chứng chỉ Tin học
13	Diệp Thị Châm Pa		27/6/1994	Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Ấp Đại Bái, Lạc Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	ĐH Văn hóa các dân tộc thiểu số VN	B	A		Dân tộc Khmer		Không đạt	Bảng chuyên môn không phù hợp với vị trí tuyển dụng
14	Thạch Thị Sơn Á		20/02/1995	Khmer	Trần Đề, Sóc Trăng	Tài Văn, Trần Đề, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT DTNT Huỳnh Cương	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	A2 (ĐH Tây Đô)	CB		Dân tộc Khmer		Không đạt	Chứng chỉ Ngoại ngữ không nằm trong danh mục các trường được Bộ GD & ĐT cho phép.

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1	Lý do không đủ điều kiện vào vòng 2
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm		
15	Diệp Dương Phương Thảo		12/11/1996	Kinh	Trần Đề, Sóc Trăng	Thị trấn Trần Đề, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Thành phố Sóc Trăng	Cử nhân Kiểm toán	B	A				Không đạt	Bằng chuyên môn không phù hợp với vị trí tuyển dụng
16	Phan Thị Thái Trân		1990	Kinh	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Áp Kinh Mới, xã Vĩnh Hiệp, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán	06.032	Trường THPT Thạnh Tân	CĐ Kế toán		B				Không đạt	Thiếu chứng chỉ Ngoại ngữ
17	Trương Vũ Phong	06/04/1986		Hoa	Sóc Trăng	Phường 2, Sóc Trăng	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	ĐH Công nghệ Sinh học	Giấy báo kết quả B1	CB		Dân tộc Hoa		Không đạt	Bằng chuyên môn không phù hợp với vị trí tuyển dụng
18	Trần Thị Mỹ Xuyên		30/08/1991	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Châu Khánh, Long Phú, Sóc Trăng	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	ĐHSP Lý Tin	B	B				Không đạt	Bằng chuyên môn không phù hợp với vị trí tuyển dụng
19	Lý Thị Ngọc Diễm		25/05/1991	Khmer	Sóc Trăng	Phường 5, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THCS và THPT Lai Hòa	CĐ Quản trị Văn phòng	B	B		Dân tộc Khmer		Không đạt	Bằng chuyên môn không phù hợp với vị trí tuyển dụng
20	Trần Thị Mỹ Huyền		22/12/1995	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Xuân Hòa, Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT An Lạc Thôn	CĐ Quản trị Văn phòng	A	NC				Không đạt	Bằng chuyên môn không phù hợp với vị trí tuyển dụng
21	Lưu Thị Loan		04/01/1992	Kinh	Trần Đề, Sóc Trăng	Thạnh Thới An, Trần Đề, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT Đại Ngãi	Cử nhân Giáo dục chính trị	B1	B				Không đạt	Bằng chuyên môn không phù hợp với vị trí tuyển dụng
22	Trương Châu Mỹ Ngọc		14/3/1995	Kinh	Châu Thành, Sóc Trăng	Áp Phú Binh, Phú Tâm, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT Phú Tâm	Trung cấp văn thư hành chính		A				Không đạt	Thiếu chứng chỉ Ngoại ngữ

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1	Lý do không đủ điều kiện vào vòng 2
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm		
23	Nguyễn Thị Hồng Nhà		19/09/1990	Kinh	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Phường 1, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trung tâm GDTX tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng Quản trị Văn phòng	B	B				Không đạt	Bảng chuyên môn không phù hợp với vị trí tuyển dụng
24	Son Thị Mai Phương		24/06/1997	Khmer	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Phường 2, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	Đại học Khoa học Môi trường	A	A		Dân tộc Khmer		Không đạt	Bảng chuyên môn không phù hợp với vị trí tuyển dụng
25	Nguyễn Thị Lệ Thi		13/07/1981	Kinh	Châu Thành, Sóc Trăng	Thiện Mỹ, Châu Thành, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT Hoàng Diệu	Trung cấp Thư ký Văn phòng		A				Không đạt	Thiếu Chứng chỉ Ngoại ngữ
26	Trịnh Thị Mỹ Tiên		22/01/1988	Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	Thị trấn Mái Dầm, Châu Thành, Hậu Giang	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT An Lạc Thôn	Trung cấp Kế toán						Không đạt	Bảng chuyên môn không phù hợp với vị trí tuyển dụng
27	Nguyễn Thị Thanh Trâm		12/11/1984	Kinh	Trần Đề, Sóc Trăng	Áp Giồng Chát, Liêu Tú, Trần Đề, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THPT Lịch Hội Thượng	Trung cấp văn thư lưu trữ		A				Không đạt	Thiếu chứng chỉ Ngoại ngữ
28	Nguyễn Thị Bích Tuyền		25/12/1978	Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Áp Trường An, xã Trường Khánh, Long Phú, Sóc Trăng	Nhân viên Văn thư	01.005	Trường THCS và THPT Tân Thạnh	Trung cấp Thư ký văn phòng	B1	CB				Không đạt	Giấy xác nhận trúng tuyển B1 của Trung tâm WonSchool; không nằm trong danh mục các trường được Bộ GDĐT cho phép
29	Lê Thị Ngọc Diệp		28/9/1995	Kinh	Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Xã Đại Ân 1, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT An Thạnh 3	Trung cấp điều dưỡng		B				Không đạt	Bảng chuyên môn chưa phù hợp; thiếu chứng chỉ ngoại ngữ

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1	Lý do không đủ điều kiện vào vòng 2
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm		
30	Triệu Phước Hải	09/04/1966		Hoa	Phụng Hiệp, Hậu Giang	Viên An, Trần Đề, Sóc Trăng	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Trung cấp Y sĩ				Dân tộc Hoa		Không đạt	Thiếu Chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học
31	Thái Lâm Mỹ Hòa	10/01/1997		Khmer	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Ấp Khu 2, Thạnh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú	Trung cấp y sĩ				Dân tộc Khmer		Không đạt	Thiếu chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học
32	Diệp Thị Hồng Lài	28/02/1991		Khmer	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại Úi, Phú Mỹ, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT DTNT Huỳnh Cương	Trung cấp y sĩ	B	CC nghề		Dân tộc Khmer		Không đạt	Chưa đủ tiêu chuẩn Tin học
33	Lê Thị Diễm My	20/12/1994		Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	Kế An, Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT Kế Sách	Trung cấp Y sĩ		A				Không đạt	Thiếu Chứng chỉ Ngoại ngữ
34	Lý Thị Thanh	09/3/1992		Khmer	Trần Đề, Sóc Trăng	Ấp Tài Công, Tài Văn, Trần Đề, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT Lịch Hội Thượng	Trung cấp y sĩ	B1	A		Dân tộc Khmer		Không đạt	Chứng chỉ ngoại ngữ do đơn vị chưa được Bộ cho phép cấp
35	Thạch Thị Phương Thảo	18/4/1992		Khmer	TPST, Sóc Trăng	61, Lương Định Của, phường 5, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT DTNT Huỳnh Cương	Cao đẳng điều dưỡng	B	NC		Dân tộc Khmer		Không đạt	Bằng chuyên môn chưa phù hợp với vị trí tuyển dụng
36	Trần Thị Thùy Trang	24/4/1986		Kinh	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Ấp Chợ Cũ, Hưng Lợi, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THCS và THPT Hưng Lợi	Trung học Dược sĩ	B	B				Không đạt	Bằng chuyên môn chưa phù hợp với vị trí tuyển dụng
37	Trương Minh Tuấn	05/7/1978		Kinh	Kế Sách, Sóc Trăng	Ấp Đại An, xã Thới An Hội, Kế Sách, Sóc Trăng	Nhân viên Y tế	V.08.03.07	Trường THPT An Lạc Thôn	Trung cấp y sĩ						Không đạt	Thiếu chứng chỉ Tin học, Ngoại ngữ

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Vị trí dự tuyển	Mã số	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên (Điểm ưu tiên)			Kết quả vòng 1	Lý do không đủ điều kiện vào vòng 2
													2,5 điểm	5,0 điểm	7,5 điểm		
38	Thạch Thị Phương Dung		08/8/1994	Khmer	Thanh Trì, Sóc Trăng	Ấp 7, xã Ba Trinh, Kế Sách, Sóc Trăng	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trường THPT Thuận Hòa	ĐH Nhân học	Toefl 377	A		Dân tộc Khmer		Không đạt	Bảng chuyên môn chưa phù hợp với vị trí tuyển dụng
39	Nguyễn Phương	1985		Kinh	Long Phú, Sóc Trăng	Phú Hữu, Long Phú, Sóc Trăng	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trường THPT Đại Ngãi	Trung cấp Thư viện	B1	A				Không đạt	Chứng chỉ Ngoại ngữ không nằm trong danh mục các Trường được Bộ GD & ĐT cho phép.

Danh sách này có 39 (ba mươi chín) thí sinh./.